

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2019

“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đào Hoàng Khương;
2. Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Thanh Ng, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang; xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp 13, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phùng Thanh Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh Ng và chị P có 01 người con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 18/12/2017 hiện đang sống với chị P. Anh giao con cho chị P nuôi,

anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2019, cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh chị không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 04/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2016, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay anh Ng yêu cầu ly hôn, chị thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị P và anh Ng có 01 người con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 18/12/2017 hiện đang sống với chị. Chị đồng ý nuôi con, anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu cấp từ tháng 5/2019 cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu; Về nợ chung: Chị và anh Ng không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Thanh Ng và chị Trần Thị P. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Ng và chị P giao cháu Trần Thiên P, sinh ngày 18/12/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu cấp từ tháng 5/2019, cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Anh Ng có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Ng và chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng và chị P.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Ng yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn và nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ng và chị P sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2016 nhưng đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không có

giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh Ng yêu cầu ly hôn, chị P đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Thanh Ng và chị Trần Thị P.

[4] *Về con chung*: Anh Ng và chị P có 01 người con chung tên Trần Thiên P, sinh ngày 18/12/2017, hiện đang sống với chị P. Anh Ng và chị P thỏa thuận giao cháu P cho chị P nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Qua xác minh ở địa phương được biết cuộc sống của cháu P vẫn đảm bảo, chị P đủ điều kiện nuôi con. Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của anh Ng và chị P giao cháu Trần Thiên P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu cấp từ tháng 5/2019, cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Anh Ng có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Anh Ng, chị P khai không nợ ai.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Ng là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Ng phải chịu án phí là 300.000đ x 50% = 150.000đ.

Tổng cộng anh Ng phải chịu tiền án phí là 450.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002260 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, anh Ng còn phải nộp thêm 150.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Thanh Ng và chị Trần Thị P.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Phùng Thanh Ng và chị Trần Thị P giao cháu Trần Thiên P, giới tính nam, sinh ngày 18/12/2017 (hiện đang sống với chị P) cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.250.000đ, cấp vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu cấp từ tháng 5/2019, cấp cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Anh Ng có quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Anh Ng, chị P khai không nợ ai.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Anh Phùng Thanh Ng là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình. Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Phùng Thanh Ng phải chịu là 150.000đ.

Tổng cộng anh Phùng Thanh Ng phải chịu án phí là 450.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002260 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, anh Ng còn phải nộp thêm 150.000đ.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ